

Bản án số: 83/2020/HS-ST
Ngày: 27-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hạ Tuấn và ông Đặng Viết Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H - sinh năm 1974; Nơi ĐKKHKT: Thôn T3, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; chồng: Vũ Ngọc T4; con: 03 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 12/10/2020 đến ngày 21/10/2020 được hủy bỏ biên pháp tạm giữ, áp dụng : “lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Đ T – sinh năm 1978 (vắng mặt)

HKTT: Thôn T5, xã T6, huyện U, TP. Hà Nội

+ Chị Đặng Thị T1 – sinh năm 1986 (vắng mặt)

HKTT: Khu 12, xã H2, huyện T7, tỉnh Phú Thọ

+ Chị Quách Thị Minh T2 – sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình

*** Người làm chứng:**

+ Anh Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1978 (vắng mặt)

HKTT: Phố T7, thị trấn V1, huyện U, TP. Hà Nội

+ Anh Đỗ Khắc T1 – sinh năm 1988 (vắng mặt)

HKTT: Xóm 16, xã N, huyện N1, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 12/10/2020, Phòng Cảnh sát Hình sự - Công an thành phố Hà Nội phối hợp với Đội Cảnh sát Hình sự - Công an huyện Ứng Hòa và Công an xã T6, huyện Ứng Hòa, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, hộ khẩu thường trú tại thôn T3, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình là quản lý quán tẩm quất tại thôn T5, xã T6, huyện Ứng Hòa có hành vi chứa mại dâm.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam đồng: 600.000 đồng (gồm: 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị H; 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng thu giữ của Quách Thị Minh T2 và Đặng Thị T1) và 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định:

Đầu tháng 6/2020, Nguyễn Thị H thuê nhà của anh Nguyễn Đ T, sinh năm 1978, tại thôn T5, xã T6, huyện Ứng Hòa để mở quán tẩm quất, giá thuê 5.000.000 đồng/01tháng, sau đó H sửa nhà để phục vụ việc chứa mại dâm. Đến ngày 09/10/2020, Đặng Thị T1, sinh năm 1986 trú tại khu 12, xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ và Quách Thị Minh T2, sinh năm 1982, trú tại thôn Má Mư, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình đến quán tẩm quất của H xin làm nhân viên, H nói: *“ở đây tẩm quất cho chị, khi nào có khách đến mua dâm thì đi bán dâm cho chị”*. Cả hai đồng ý, H thỏa thuận với T1 và T2 ngủ nghỉ tại quán, ăn uống tự túc, khi nào có khách đến mua dâm thì H sẽ thu của khách 200.000đ/01người/01lượt và trả cho gái bán dâm (H, T1) 100.000 đồng/ 01 lượt, còn H thu lời 100.000 đồng.

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 12/10/2020, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978 trú tại Phố T7, thị trấn V1, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội và bạn là Đỗ Khắc T1, sinh năm 1988 trú tại xóm 16, xã N, huyện N1, tỉnh Nam Định ngồi uống rượu với nhau tại thị trấn V1. Đến khoảng 13 giờ 30 phút Đ rủ T1: *“anh em mình đi mua dâm đi”*, T1 đồng ý. Cả hai đi xe taxi lên khu vực thôn T5, xã T6 rồi vào quán tẩm quất của H thì gặp H đang ngồi tại quán. Đ hỏi H: *“ở đây có nhân viên vui vẻ không”*, H hiểu là khách đến mua dâm nên trả lời: *“có”*, Đ hỏi tiếp: *“bố trí cho hai em đẹp nhé, giá thế nào nhỉ”*, H đáp: *“giá là 200.000đ/ 1người/1lượt”*, Đ đồng ý và đưa cho H 400.000 đồng, gồm 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng, H cầm tiền và bảo T2 đang đứng gần đó: *“em đi với khách cho chị”*, T2 hiểu là H bảo đi bán dâm nên cùng Đỗ Khắc T1 đi vào phòng ngủ phía bên tay phải từ cửa chính vào. Tại phòng, cả hai tự cởi quần áo của mình, T2 lấy bao cao su có sẵn trong ngăn kéo của tủ để đồ đặt cạnh giường, bóc vỏ và lồng vào dương vật của T1 rồi cả hai bắt đầu quan hệ tình dục. Tiếp đó, H dẫn Đ vào phòng phía trong bên trái phòng của T2 và Đỗ Khắc T1 thì Đặng Thị T1 đang ngồi chờ, H nói với T1: *“em đi khách cho chị”*, T1 hiểu là H bảo bán dâm nên lấy bao cao su có sẵn trong ngăn kéo tủ để đồ đặt cạnh giường, T1 và Đ tự cởi quần áo của mình, T1 bóc bao cao su lồng vào dương vật

của Đ rồi cả hai bắt đầu quan hệ tình dục. Quá trình mua dâm, Đ và Đỗ Khắc T1 có cho gái bán dâm mỗi người 100.000 đồng gọi là tiền “bo”. Đến 14 giờ cùng ngày, trong khi T2 và Đỗ Khắc T1; Đặng Thị T1 và Đ đang thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục) thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số: 89/CT-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo H từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ; tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người liên quan và người làm chứng; vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Với mục đích kiếm lời bất chính nên ngày 12/10/2020, tại quán tắm quất của Nguyễn Thị H thuộc thôn T5, xã T6, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, H đã nhận 400.000 đồng của Nguyễn Văn Đ rồi điều Quách Thị Minh T2, Đặng Thị T1 là nhân viên quán tắm quất của mình bán dâm cho Nguyễn Văn Đ và Đỗ Khắc T1. Khi Nguyễn Văn Đ, Đỗ Khắc T1, Quách Thị Minh T2, Đặng Thị T1 đang thực hiện mua bán dâm thì bị Công an thành phố Hà Nội phối hợp với Công an huyện Ứng Hòa, Công an xã T6 phát hiện bắt quả tang.

Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H đã thực hiện là nghiêm trọng, xâm phạm đến thuần phong mỹ tục, đến đời sống văn hóa và còn ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự xã hội. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời đảm bảo răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Đồng thời, bị cáo còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS như bị cáo là phụ nữ, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, có nơi thường trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với Điều 65 BLHS và Nghị quyết 02/2028/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, gia đình hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với Quách Thị Minh T2, Đặng Thị T1, Nguyễn Văn Đ và Đỗ Khắc T1: Ngày 12/10/2020 đã có hành vi mua - bán dâm; T2 và T1 đều là người đã thành niên, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ứng Hòa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Quách Thị Minh T2, Đặng Thị T1, Nguyễn Văn Đ và Đỗ Khắc T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Đối với Nguyễn Đ T, quá trình cho H thuê nhà nhưng không biết H sử dụng để chứa mại dâm, bản thân T cũng không hỗ trợ hay giúp sức gì cho H trong việc chứa mại dâm. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ứng Hòa không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền 600.000 đồng: trong đó gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng là tiền bị cáo H thu lời bất chính; 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng do Quách Thị Minh T2 và Đặng Thị T1 tự nguyện giao nộp, không có ý kiến đề nghị gì nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 46, Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 46, 47 của BLHS;

Căn cứ Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Xử phạt: Nguyễn Thị H **20 (Hai mươi)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **40 (Bốn mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình và gia đình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 bao ca su đã qua sử dụng. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*)

(Tình trạng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà ngày 24/11/2020 và giấy ủy nhiệm ngày 18/11/2020).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Công an huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh